

Số: 548/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết kinh phí thực hiện chế độ, chính sách
đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP
của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn, phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ đã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ;

Theo đề nghị của UBND các huyện: Nghĩa Hành tại Công văn số 2236/UBND ngày 30/12/2020, Sơn Hà tại Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 29/12/2020, Bình Sơn tại Công văn số 318/UBND ngày 17/02/2021, Ba Tơ tại Công văn số 358/UBND ngày 19/3/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 824/STC-NS ngày 09/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết 538.564.000 đồng từ nguồn cải cách tiền lương năm 2021 của các huyện để thực hiện chế độ đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ (Chi tiết tại các phụ lục số 01, 02 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp nguồn kinh phí thực hiện để báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. UBND các huyện: Bình Sơn, Nghĩa Hành, Ba Tơ và Sơn Hà:

a) Sử dụng nguồn cải cách tiền lương của huyện để thực hiện chính sách tại Điều 1 của Quyết định này đảm bảo đúng đối tượng, chế độ hiện hành và tổng hợp kinh phí chi trả vào nhu cầu cải cách tiền lương năm 2021.

b) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Nghĩa Hành, Ba Tơ và Sơn Hà; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (KT), NC, CBTH;
- Lưu: VT,KT Tiền 132.




CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

Phụ lục 1

(Kèm theo Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng



| TT | UBND các huyện | Kinh phí | Ghi chú |
|------------------|-----------------------|--------------------|----------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | Huyện Sơn Hà | 51.014.000 | |
| 2 | Huyện Nghĩa Hành | 123.874.000 | |
| 3 | Huyện Bình Sơn | 171.906.000 | |
| 4 | Huyện Ba Tơ | 191.770.000 | |
| TỔNG CỘNG | | 538.564.000 | |

11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200

(Kèm theo Quyết định số 548/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phụ lục 2

DVT: đồng



| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Chức danh chuyên môn | Số năm đóng BHXH | Thời gian nghỉ hưu trước tuổi | Lương bình quân để tính trợ cấp | Kinh phí thực hiện | | | |
|------------------|-------------------------|---------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------|---------------------------------|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | | | | | | | Tổng cộng (quy tròn) | Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi | Trợ cấp đủ 20 năm đóng BHXH | Trợ cấp trên 20 năm đóng BHXH |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(9)+(10)+(11) | (9) | (10) | (11) |
| TỔNG CỘNG | | | | | | | | | | |
| I | Huyện Sơn Hà | | | | | | 538.564.000 | 191.635.830 | 145.515.329 | 201.413.598 |
| 1 | Đình Tấn Bắc | 15/02/1962 | Chủ tịch UBND xã Sơn Kỳ | 20 năm 7 tháng | 01 năm 7 tháng | 4.435.983 | 51.014.000 | 26.615.898 | 22.179.915 | 2.217.992 |
| II | Huyện Nghĩa Hành | | | | | | 123.874.000 | 49.549.707 | 27.527.615 | 46.796.946 |
| 2 | Lương Văn Dõi | 26/4/1963 | Phó Chủ tịch HDND Thị trấn Chợ Chùa | 36 năm 10 tháng | 02 năm 9 tháng | 5.505.523 | 123.874.000 | 49.549.707 | 27.527.615 | 46.796.946 |
| III | Huyện Bình Sơn | | | | | | 171.906.000 | 40.429.506 | 54.118.510 | 77.357.942 |
| 3 | Nguyễn Văn Vinh | 17/01/1962 | Chủ tịch HDND xã Bình An | 36 năm 05 tháng | 01 năm 02 tháng | 5.518.102 | 89.669.000 | 16.554.306 | 27.590.510 | 45.524.342 |
| 4 | Lê Minh Cảnh | 18/5/1962 | Phó Chủ tịch HDND xã Bình An | 32 năm 01 tháng | 01 năm 6 tháng | 5.305.600 | 82.237.000 | 23.875.200 | 26.528.000 | 31.833.600 |
| IV | Huyện Ba Tơ | | | | | | 191.770.000 | 75.040.719 | 41.689.289 | 75.040.719 |
| 5 | Nguyễn Văn Thường | 09/05/1963 | Phó Chủ tịch HDND huyện | 37 năm 10 tháng | 03 năm | 8.337.858 | 191.770.000 | 75.040.719 | 41.689.289 | 75.040.719 |

